

Số: **60** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **11** tháng **4** năm 2023

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Việc chấp hành các quy định của pháp luật giáo dục**  
**nghề nghiệp tại Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang**

Thực hiện Quyết định số 28/QĐ-TTr ngày 13/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBOXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (sau đây viết tắt là GDNN) tại Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang, từ ngày 20/02/2023 đến ngày 22/02/2023, Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh tại Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan, thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm tiến hành thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 20/3/2023 của Trường đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBOXH kết luận như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang.

**2. Địa chỉ**

2.1. Trụ sở chính: xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 02403854230, Email: [cdngogiatu@bacgiang.gov.vn](mailto:cdngogiatu@bacgiang.gov.vn).

2.2. Địa điểm đào tạo

- Tại trụ sở chính: km 71, quốc lộ 17 thuộc xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Tại số 147 Thánh Thiên, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh, xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**3. Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp:** công lập.

**4. Quyết định cho phép thành lập/đổi tên cơ sở GDNN**

- Trước tháng 6/2021: Trường Trung học y tế Bắc Giang được thành lập theo Quyết định số 51/UB ngày 20/01/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bắc Giang; đổi tên thành Trường cấp Y tế Bắc Giang theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 07/6/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.





- Quyết định số 707/QĐ-LĐTĐBXH ngày 23/6/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH về việc sáp nhập Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang vào Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang.

## **5. Hội đồng trường; Quy chế tổ chức, hoạt động; Hiệu trưởng**

### **5.1. Hội đồng trường**

Ngày 09/02/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 174/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 – 2028, Hội đồng Trường có 11 thành viên, số lượng, cơ cấu đảm bảo đúng quy định của pháp luật; ông Đỗ Văn Hải, Phó hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng trường chưa qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN, chưa đủ tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng trường cao đẳng theo quy định. Hội đồng trường đã họp bàn và thông qua chương trình làm việc và quy chế hoạt động của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 - 2028.

### **5.2. Quy chế tổ chức, hoạt động**

Đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-CĐNGT ngày 24/9/2021 của Hiệu trưởng và Quyết định số 80/QĐ-CĐNGT ngày 16/2/2023 của Hiệu trưởng thay thế Quyết định số 02/QĐ-CĐNGT ngày 24/9/2021, quy chế đảm bảo theo quy định.

### **5.3. Hiệu trưởng**

Ông Nguyễn Hoàng Quỳnh, sinh ngày 17/6/1978, Tiến sĩ Y tế công cộng, được bổ nhiệm tại Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; đã được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN theo Quyết định số 1973/QĐ-TCGDNN ngày 16/11/2018 của Tổng Cục trưởng Tổng cục GDNN.

## **6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 319/GCNĐKHĐ-LĐTĐ&XH do Sở LĐTĐBXH tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/6/2017 cho Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 30/GCNĐKBS-LĐTĐBXH do Sở LĐTĐBXH tỉnh Hà Giang cấp ngày 03/7/2020 (tại Trung tâm GDNN - Giáo dục thường xuyên huyện Hoàng Su Phì) cho Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang.

- Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 19/GCNĐKBS-LĐTĐBXH do Sở LĐTĐBXH tỉnh Hà Giang cấp ngày 30/6/2021 (tại Trung tâm GDNN - Giáo dục thường xuyên huyện Xín Mần) cho Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 103/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 04/11/2021 do Tổng cục GDNN cấp cho Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự.



Số học sinh quy đổi theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 103/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 04/11/2021

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh/năm	Thời gian đào tạo	Số học sinh quy đổi
1	Điều dưỡng	Cao đẳng	100	03 năm	300
2	Dược	Cao đẳng	50	03 năm	150
3	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Cao đẳng	50	03 năm	150
4	Y sỹ đa khoa	Trung cấp	30	02 năm	60
5	Y học cổ truyền	Trung cấp	30	02 năm	60
6	Nhân viên Y tế thôn bản	Sơ cấp	200	03 tháng	50
7	Chăm sóc người cao tuổi	Sơ cấp	50	03 tháng	12,5
<b>Tổng số học sinh quy đổi</b>					<b>782,5</b>

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### 1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật GDNN

#### 1.1. Các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục nghề nghiệp

##### 1.1.1. Cơ sở vật chất

a) Diện tích đất sử dụng chung toàn trường: 106.181,2 m<sup>2</sup>, đảm bảo đủ diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trường cao đẳng ngoài đô thị, trong đó:

- Trụ sở chính (km 71, quốc lộ 17 thuộc xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang): 36.751,7 m<sup>2</sup> (theo Giấy chứng nhận sử dụng đất số DB 416739 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/3/2022).

- Số 147 Thánh Thiên, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang: 3.810,5 m<sup>2</sup> (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 285525 do UBND tỉnh Bắc Giang cấp).

- Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh, xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang: 65.619 m<sup>2</sup>.

b) Diện tích xây dựng các hạng mục công trình: 28.059 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Trụ sở chính: 15.020 m<sup>2</sup>, gồm:

+ Khu hiệu bộ và khu hành chính: 2.534 m<sup>2</sup>.

+ Phòng học lý thuyết: 15 phòng (60 m<sup>2</sup>/phòng), tổng diện tích 900 m<sup>2</sup>.

+ Phòng thực hành: 20 phòng, tổng diện tích 1.410 m<sup>2</sup>.

+ Thư viện: diện tích 516 m<sup>2</sup>; có 818 đầu sách, 4.080 cuốn sách chuyên về y dược; chưa có các phần mềm để tra cứu tài liệu.



+ Khu giáo dục thể chất: 2.500 m<sup>2</sup> (gồm 01 nhà đa năng và 04 sân bóng chuyền).

+ Ký túc xá học sinh, sinh viên: 3.410 m<sup>2</sup> (quy mô 500 học sinh, sinh viên).

+ Phòng y tế: 50 m<sup>2</sup> (bố trí 01 cán bộ y tế, có tủ thuốc và dụng cụ sơ cứu ban đầu cho học sinh, sinh viên).

+ Các công trình dịch vụ khác: 3.700 m<sup>2</sup> (gồm hội trường, nhà xe, nhà công vụ, nhà kho, nhà bảo vệ, nhà ăn).

- Địa điểm đào tạo số 147 Thánh Thiên, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang: 2.943 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Phòng học lý thuyết: 17 phòng (60m<sup>2</sup>/phòng), tổng diện tích 972m<sup>2</sup>.

+ Phòng thực hành tin học: 01 phòng, diện tích 80m<sup>2</sup>.

+ Vườn thuốc nam thực hành nghề dược, điều dưỡng: 80m<sup>2</sup>.

+ Công trình khác (nhà đa năng, hội trường, thư viện): 1.167m<sup>2</sup>.

- Địa điểm đào tạo Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh (xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang): 10.096 m<sup>2</sup>, gồm:

+ Phòng học lý thuyết: 08 phòng (02 hội trường diện tích 400 m<sup>2</sup>/hội trường, 06 phòng học lý thuyết diện tích 100 m<sup>2</sup>/phòng), tổng diện tích 1.400 m<sup>2</sup>.

+ Nhà tập bắn: 02 phòng, tổng diện tích 597 m<sup>2</sup>.

+ Hội trường đa năng: 859 m<sup>2</sup>.

+ Ký túc xá: 4.000 m<sup>2</sup> (quy mô 600 học sinh, sinh viên).

+ Công trình khác: 3.240 m<sup>2</sup>.

- Qua kiểm tra cho thấy:

+ Khu hành chính và khu hiệu bộ đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, diện tích ít nhất 08 m<sup>2</sup>/người, diện tích các phòng làm việc là 2.534 m<sup>2</sup>/27 người = 33m<sup>2</sup>/người.

+ Diện tích phòng học lý thuyết, phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bình quân ít nhất 5.5 m<sup>2</sup>/chỗ học; đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bình quân (3.272 + 1570)/782,5 = 6,2 m<sup>2</sup>/chỗ học; đối với quy mô đang đào tạo bình quân (3.272 + 1.570)/196 = 24,7 m<sup>2</sup>/chỗ học.

+ Số phòng học lý thuyết: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng học lý thuyết cần có 782,5/70x30% (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian học lý thuyết 30%) = 04 phòng,



Trường hiện có 34 phòng; đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng học lý thuyết cần có  $11 \text{ lớp}/2\text{ca} \times 30\% = 02$  phòng, Trường hiện có 34 phòng.

+ Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có  $782,5/36 \times 70\%$  (đào tạo 02 ca/ngày, thời gian đào tạo thực hành 70%) = 16 phòng, Trường hiện có 21 phòng; đối với quy mô đang đào tạo tại Trường: số phòng, xưởng thực hành, thực tập cần có  $11 \text{ lớp}/2\text{ca} \times 70\% = 04$  phòng, Trường hiện có 21 phòng.

### **1.2. Trang thiết bị đào tạo**

- Đối với nghề điều dưỡng (trình độ cao đẳng), qua kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 02/2022/HĐHTĐT ngày 10/01/2022 giữa Trường và Bệnh viện Đa khoa Sông Thương Bắc Giang) cho thấy: có thiết bị đào tạo theo danh mục tại phụ lục 37b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 41 ngành, nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2020/TT-BLĐT BXH).

- Đối với nghề dược (trình độ cao đẳng), qua kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 01/HĐTH-TTKN ngày 27/9/2021 giữa Trường và Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Bắc Giang) cho thấy: có thiết bị đào tạo theo danh mục tại phụ lục 36b Thông tư số 15/2020/TT-BLĐT BXH.

- Đối với nghề kỹ thuật phục hồi chức năng (trình độ cao đẳng), qua kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 01/2022/HĐHTĐT ngày 10/01/2022 giữa Trường và Bệnh viện Y học cổ truyền Lan Q tỉnh Bắc Giang, Hợp đồng số 64/HĐTH-BVPHCN ngày 01/10/2021 giữa Trường và Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Giang): có thiết bị đào tạo theo danh mục tại phụ lục 93b Thông tư số 16/2021/TT-BLĐT BXH.

- Đối với các nghề y sỹ đa khoa, y học cổ truyền (trình độ trung cấp), nhân viên y tế thôn bản, chăm sóc người cao tuổi (trình độ sơ cấp), qua kiểm tra thiết bị hiện có của trường và danh mục thiết bị theo các hợp đồng thuê cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (Hợp đồng số 98/HĐTH-BVĐK ngày 27/9/2021 giữa Trường và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, Hợp đồng số 163/HĐTH-BVSN ngày 27/9/2021 giữa Trường và Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Giang, Hợp đồng số 01/HĐTH-BVYHCT ngày 27/9/2021 giữa Trường và Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang): Trường có đủ thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình đào tạo.

### **1.3. Đội ngũ cán bộ, nhà giáo**

#### **1.3.1. Cơ cấu tổ chức**





Hội đồng trường; Ban giám hiệu (Hiệu trưởng, 06 Phó hiệu trưởng); các phòng, khoa (Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Hướng nghiệp - Công tác học sinh sinh viên; Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học; Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng; Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh; Khoa Sư phạm; Khoa cơ bản; Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học; Khoa Y học cơ sở - Lâm sàng; Khoa Y học cộng đồng; Khoa Dược - Y học cổ truyền); tổ chức đảng, đoàn thể.

### 1.3.2. Cán bộ quản lý

Tổng số cán bộ quản lý 31 người (Ban giám hiệu 07 người; trưởng, phó các phòng, khoa 24 người), trong đó: tiến sỹ 01 người, thạc sỹ 28 người, đại học 02 người.

### 1.3.2. Đội ngũ nhà giáo

#### a) Về số lượng

- Tổng số nhà giáo 62 người, là giảng viên, giáo viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 100%, đảm bảo tỷ lệ giáo viên cơ hữu theo quy định.

- Số nhà giáo dạy chuyên môn nghề 35 người, quy đổi thành 43,7 giáo viên quy đổi, cụ thể: 07 cán bộ quản lý, nhân viên Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học tham gia giảng dạy, tổng số giờ 380 = 01 giáo viên quy đổi (Trường quy định giờ chuẩn của nhà giáo GDNN là 380 giờ); 28 giáo viên cơ hữu (dạy thêm không quá 200 giờ/năm) quy đổi  $28 \times 580 / 380 = 42,7$  giáo viên quy đổi.

- Tỷ lệ học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi (không quá 25 học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi): tính theo quy mô đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN:  $782,5 / 43,7 = 18$  học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi; tính theo quy mô thực tế đang đào tạo tại Trường:  $196 / 43,7 = 4,5$  học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi.

#### b) Về chất lượng

- Trình độ chuyên môn, kỹ thuật: 02 tiến sỹ, 47 thạc sỹ, 13 đại học.

- Năng lực nghiệp vụ sư phạm: đại học chuyên ngành sư phạm: 06 người; nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên đại học, cao đẳng: 56 người.

- Kỹ năng nghề: 23 nhà giáo dạy thực hành có đủ chứng chỉ hành nghề theo quy định (chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh 20 người, chứng chỉ hành nghề dược 03 người).

- Trình độ ngoại ngữ: tiếng Anh có 61 người (01 tiến sỹ, 03 thạc sỹ, 05 đại học, 15 chứng chỉ B1 châu Âu, 03 chứng chỉ B2, 18 chứng chỉ A2, 11 chứng chỉ B, 05 chứng chỉ C); tiếng Pháp có 01 người chứng chỉ C1 châu Âu.

- Trình độ tin học: 01 thạc sỹ, 01 đại học, 16 chứng chỉ tin học B, 44 chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.



## **1.4. Chương trình, giáo trình đào tạo**

### **1.4.1. Về chương trình đào tạo**

a) Đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp: đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo 03 nghề trình độ cao đẳng và 02 nghề trình độ trung cấp đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định; đã cập nhật chương trình đào tạo (Quyết định số 462/QĐ-CĐNGT ngày 20/9/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo 03 nghề trình độ cao đẳng và 02 nghề trình độ trung cấp, đã cập nhật, bổ sung).

b) Đối với chương trình đào tạo liên thông: Trường chưa tổ chức đào tạo liên thông nên chưa xây dựng chương trình đào tạo liên thông.

c) Đối với chương trình đào tạo trình độ sơ cấp: Trường đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo 02 nghề trình độ sơ cấp: nghề nhân viên y tế thôn bản, nghề chăm sóc người cao tuổi.

d) Đối với chương trình đào tạo dưới 03 tháng: đã xây dựng, thẩm định, ban hành 01 chương trình đào tạo nghề xoa bóp, bấm huyệt dưới 03 tháng.

### **1.4.2. Về giáo trình đào tạo**

Đã xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình đào tạo gồm: 36 giáo trình nghề điều dưỡng; 26 giáo trình nghề dược; 32 giáo trình nghề phục hồi chức năng; 28 giáo trình nghề y sỹ đa khoa; 24 giáo trình nghề y học cổ truyền; 05 giáo trình nghề chăm sóc người cao tuổi.

## **2. Việc triển khai các quy định trong hoạt động GDNN**

### **2.1. Công tác tuyển sinh**

#### **2.1.1. Xây dựng quy chế tuyển sinh**

Đã xây dựng quy chế tuyển sinh ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TCYT ngày 14/10/2020 (của Trường Trung cấp Y tế Bắc Giang khi chưa sáp nhập); Quy chế tuyển sinh số 06/QC-CĐNGT ngày 04/11/2021 của Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang; nội dung Quy chế tuyển sinh đảm bảo theo quy định.

#### **2.1.2. Thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký tuyển sinh, Ban phúc tra**

- Đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh: Kế hoạch tuyển sinh số 01/KH-TCYT ngày 06/01/2021, Kế hoạch tuyển sinh số 18/KH-CĐNGT ngày 22/02/2022.

- Đã thành lập Hội đồng tuyển sinh: Quyết định số 203/QĐ-CĐNGT ngày 17/8/2021, Quyết định số 53/QĐ-CĐNGT ngày 17/02/2022.

- Đã thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh: Quyết định số 09/QĐ-HĐTS ngày 06/01/2021, Quyết định số 110/QĐ-HĐTS ngày 22/3/2022.



### 2.1.3. Thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi

Trong thời kỳ thanh tra không phát sinh việc tổ chức thi tuyển, Trường tuyển sinh theo hình thức xét tuyển nên không thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi.

### 2.1.4. Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển vào trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

- Hồ sơ tuyển sinh gồm: phiếu đăng ký dự tuyển, giấy khám sức khỏe, bản sao công chứng học bạ trung học phổ thông, bản sao công chứng bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông tạm thời.

- Thủ tục đăng ký dự tuyển: thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại các địa điểm tuyển sinh của Trường hoặc gửi đến trụ sở chính của Trường thông qua đường bưu điện.

- Kiểm tra xác suất 20 hồ sơ tuyển sinh (10 người học trình độ cao đẳng; 10 người học trình độ trung cấp), kết quả:

+ 20/20 hồ sơ có bản sao học bạ; bản sao giấy khai sinh, giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông/bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, phiếu đăng ký dự tuyển vào GDNN và được lưu trữ theo quy định.

+ 20/20 hồ sơ có Phiếu đăng ký dự tuyển chưa đúng theo mẫu quy định.

### 2.1.5. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

### 2.1.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh

Đã đăng thông tin tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ [cdngogiatubacgiang.edu.vn](http://cdngogiatubacgiang.edu.vn); tổ chức, quản lý quá trình xét tuyển trên phần mềm máy tính; in giấy báo trúng tuyển cho thí sinh trúng tuyển, trong đó ghi rõ kết quả xét tuyển của thí sinh; cập nhật thông tin đăng ký dự tuyển và công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của trường.

### 2.1.7. Kết quả tuyển sinh từ ngày 01/01/2020 đến thời điểm thanh tra

Trong thời kỳ thanh tra, Trường đã tuyển sinh 409 người, trong đó: 122 người trình độ cao đẳng, 99 người trình độ trung cấp, 188 người trình độ sơ cấp, Trường tuyển sinh không vượt quá quy mô tuyển sinh đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

### 2.1.8. Báo cáo kết quả tuyển sinh

Đã báo cáo kết quả tuyển sinh về Tổng cục GDNN, UBND tỉnh Bắc Giang và Sở LĐTĐBXH tỉnh Bắc Giang (Báo cáo ngày 31/12/2021 và Báo cáo ngày 31/12/2022).

### 2.1.9. Đăng ký, thông báo chỉ tiêu tuyển sinh

- Đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Sở LĐTĐBXH tỉnh Bắc Giang và Tổng cục GDNN: công văn số 287a/CĐNGT-ĐTĐNCKH ngày 31/12/2021 về



việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 là 510 người; công văn số 312a/CĐNGT-ĐTNCCKH ngày 19/12/2022 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 là 130 người.

- Đã ban hành thông báo tuyển sinh số 13a/TB-TCYT ngày 14/7/2021; thông báo tuyển sinh số 89/TB-CĐNGT ngày 04/11/2021 và thông báo tuyển sinh số 16/TB-CĐNGT ngày 11/3/2022.

## **2.2. Công tác đào tạo**

*2.2.1. Xây dựng quy chế đào tạo và thông báo công khai các nội dung về đào tạo theo quy định*

- Đã xây dựng quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành theo Quyết định số 226/QĐ-CĐNGT ngày 01/9/2021; quy chế đào tạo trình độ cao đẳng khối ngành sức khỏe ban hành theo Quyết định số 379/QĐ-CĐNGT ngày 24/11/22; Quy chế số 04/QC-CĐNGT ngày 14/7/2022 về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng khối ngành thuộc lĩnh vực GDNN; Quy chế đào tạo đảm bảo theo quy định.

- Đã công khai các nội dung đào tạo trước khi bắt đầu khóa học: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch học tập, thời khóa biểu, giáo trình đào tạo, chương trình đào tạo, thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; thời gian, thời lượng đào tạo lý thuyết, thực hành, thời gian nghỉ hè, lễ, tết, khai giảng, bế giảng, thời gian học tập ngoại khóa theo quy định.

### *2.2.2. Kết quả đào tạo*

- Đã tổ chức 45 lớp đào tạo cho 877 lượt học sinh, sinh viên: năm 2020: 10 lớp, 224 học sinh, sinh viên; năm 2021: 13 lớp, 256 học sinh, sinh viên; năm 2022: 11 lớp, 201 học sinh, sinh viên; năm 2023: 11 lớp, 196 học sinh, sinh viên. Các lớp đào tạo lý thuyết, thực hành và tích hợp đảm bảo không vượt quá quy mô lớp học theo quy định (lớp học lý thuyết không quá 35 người, lớp học thực hành, tích hợp không quá 18 người).

- Đã bố trí các điều kiện đảm bảo cho các lớp đào tạo theo quy định: phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành; giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết và thực hành; thiết bị, đồ dùng giảng dạy và học tập.

### *2.2.3. Số người bỏ học, thôi học*

Trong thời kỳ thanh tra, có 17 người thôi học, bỏ học, trong đó: 12 người học trình độ trung cấp, 05 người học trình độ cao đẳng.

*2.2.4. Việc liên kết đào tạo và tổ chức đào tạo liên thông:* Trường không thực hiện.

## **2.3. Việc thi, kiểm tra, và công nhận tốt nghiệp cho người học nghề**

- Đã triển khai thực hiện thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp cho người học: Quyết định thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp (Quyết định số 338/QĐ-CĐNGT ngày 29/10/2021); lập biên bản xét điều kiện dự thi tốt



nghiệp; Quyết định thành lập hội đồng thi tốt nghiệp (Quyết định 66/QĐ-CĐNGT ngày 25/02/2022); Quyết định thành lập ban thư ký hội đồng thi tốt nghiệp (Quyết định số 97/QĐ-HĐTKTHP ngày 15/3/2022); Quyết định thành lập ban đề thi tốt nghiệp (Quyết định số 98/QĐ-HĐTTN ngày 15/3/2022); Quyết định công nhận học sinh tốt nghiệp (Quyết định số 458/QĐ-CĐNGT ngày 27/12/2021, Quyết định số 141/QĐ-CĐNGT ngày 06/4/2022).

- Đã tổ chức thi, kiểm tra, xét và công nhận tốt nghiệp cho 260 người, trong đó: trình độ trung cấp 72 người; trình độ sơ cấp 188 người.

#### **2.4. Công tác giáo vụ**

##### *2.4.1. Việc quản lý, sử dụng biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo*

a) Đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, đào tạo liên thông: đã ban hành quyết định phê duyệt hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý sử dụng trong Trường theo quy định (hồ sơ, sổ dành cho Trường gồm: chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ quản lý học sinh sinh viên, sổ theo dõi đào tạo tại doanh nghiệp, sổ cấp bằng tốt nghiệp; hồ sơ, sổ dành cho giáo viên, giảng viên gồm: kế hoạch giảng dạy, giáo án lý thuyết, giáo án thực hành và giáo án tích hợp, sổ tay giáo viên).

b) Đối với trình độ sơ cấp: đã sử dụng đầy đủ theo quy định (gồm: chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, sổ lên lớp, sổ cấp chứng chỉ sơ cấp, kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ tay giáo viên).

c) Đối với đào tạo dưới 03 tháng: không phát sinh do Trường chưa đào tạo dưới 03 tháng.

##### *2.4.2. Việc ghi chép sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo*

a) Đối với trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp: đã ghi chép đầy đủ các thông tin trong hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo theo quy định.

b) Đối với trình độ sơ cấp: đã ghi chép biểu mẫu, sổ quản lý đào tạo trình độ sơ cấp đầy đủ thông tin về lớp học, ngành, nghề học, năm học, các mô đun học phần, giáo viên tham gia giảng dạy lý thuyết, thực hành.

c) Đối với đào tạo dưới 03 tháng: chưa phát sinh do chưa đào tạo dưới 03 tháng.

#### **2.5. Công tác quản lý và cấp văn bằng, chứng chỉ**

- Đã phê duyệt mẫu phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp; mẫu phôi bản sao bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp; mẫu phôi bằng chứng chỉ sơ cấp; mẫu phôi bản sao chứng chỉ sơ cấp (theo Quyết định số 112/QĐ-CĐNGT ngày 22/3/2022 của Hiệu trưởng); đã báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Giang và Công an tỉnh Bắc Giang theo quy định.

- Đã ban hành quy định về in, phê duyệt, báo cáo mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp theo Quyết định số 104/QĐ-CĐNGT ngày 17/3/2022 của Hiệu trưởng.



- Đã in 1.319 phôi bằng, chứng chỉ; đã cấp 260 phôi bằng, chứng chỉ cho học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp; mở sổ theo dõi việc in, cấp phát phôi bằng, chứng chỉ theo quy định.

### **3. Chế độ làm việc của nhà giáo**

#### *3.1. Đối với nhà giáo cơ hữu*

- Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo theo Quyết định số 395/QĐ-CDNGT ngày 15/8/2022, tuy nhiên chưa quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, định mức giờ giảng cho giáo viên dạy trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp. Đã quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi đối với giảng viên dạy trình độ cao đẳng: thời gian giảng dạy 32 tuần; thời gian nghiên cứu khoa học 04 tuần; thời gian học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ 04 tuần; thời gian thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn 04 tuần; thời gian nghỉ hằng năm 08 tuần.

- Đã chỉ đạo các khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng năm học và xây dựng kế hoạch tổ chức nhà giáo tham gia bồi dưỡng, thực hành chuyên môn tại đơn vị sử dụng lao động: Kế hoạch số 22/KH-CDNGT ngày 09/8/2021 và Kế hoạch số 69/KH-CDNGT ngày 30/8/2022.

- Đã bố trí giảng viên, giáo viên giảng dạy, dạy thêm giờ đúng quy định.

#### *3.2. Đối với nhà giáo thỉnh giảng*

Không phát sinh nhà giáo thỉnh giảng.

### **4. Tình hình thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu**

- Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022, Trường không được giao kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia.

- Giai đoạn 2023 - 2025: Trường được hỗ trợ cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất theo quy định tại Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ban hành theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 (theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐNG ngày 12//7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang phân bổ vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 của tỉnh và Kế hoạch số 455/KH-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025), gồm:

+ Cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất (nâng cấp nhà ký túc xá E, sửa chữa nhà giảng đường): 5.000.000.000 đồng dự kiến phân bổ vốn thực hiện trong năm 2023.

+ Mua sắm trang thiết bị thực hành: 5.000.000.000 đồng dự kiến phân bổ vốn thực hiện trong năm 2024.





Tại thời điểm thanh tra, Trường đang thực hiện giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư nên Đoàn thanh tra không kiểm tra nội dung này.

- Việc dạy nghề cho lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, người nghèo và thanh niên dân tộc thiểu số: Trường không được giao kinh phí thực hiện.

### III. KẾT LUẬN

#### 1. Những quy định của pháp luật GDNN đã được Trường thực hiện

1.1. Đã thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2023 - 2028 và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định.

1.2. Địa điểm xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo diện tích đất sử dụng tối thiểu của trường cao đẳng tại khu vực ngoài đô thị theo quy định.

1.3. Đã có đủ phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, khoa, bộ môn chuyên môn, bảo đảm diện tích ít nhất  $08 \text{ m}^2/\text{người}$ , cụ thể: diện tích các phòng làm việc là  $2.534 \text{ m}^2/27 \text{ người} = 33 \text{ m}^2/\text{người}$ .

1.4. Có thư viện với 818 đầu sách, 4.080 cuốn sách chuyên về y dược.

1.5. Đảm bảo đủ diện tích phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy bình quân ít nhất  $5.5 \text{ m}^2/\text{chỗ học}$ .

1.6. Số phòng học lý thuyết đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.7. Số phòng, xưởng thực hành, thực tập đảm bảo đủ theo quy định đối với quy mô tuyển sinh đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.8. Có đủ thiết bị đào tạo tối thiểu cho các nghề đào tạo đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định.

1.9. Có đủ giảng viên, giáo viên cơ hữu đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo tỷ lệ học sinh quy đổi trên giáo viên quy đổi.

1.10. Đã xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo theo quy định; hằng năm đã cập nhật và chỉnh sửa chương trình đào tạo.

1.11. Đã ban hành quy chế tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký hội đồng tuyển sinh theo quy định.

1.12. Hằng năm, đã đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh với Sở LĐTĐ tỉnh Bắc Giang và Tổng cục GDNN, đã thông báo chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định.

1.13. Tuyển sinh 409 người, không vượt quá quy mô đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

1.14. Đã ban hành Quy chế quản lý đào tạo và công khai các nội dung về công tác đào tạo trước khi bắt đầu khóa học.

1.15. Đã tổ chức 45 lớp đào tạo cho 877 lượt học sinh, sinh viên; các lớp đào tạo lý thuyết, thực hành và tích hợp không vượt quá quy mô lớp học theo



quy định; đã đảm bảo điều kiện cho các lớp đào tạo theo quy định (phòng học lý thuyết; phòng, xưởng thực hành; giáo viên, giảng viên dạy lý thuyết và thực hành; thiết bị, đồ dùng giảng dạy và học tập).

1.16. Đã ký hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng chi tiết theo từng năm với cơ sở đào tạo thực hành: Bệnh viện Đa khoa Sông Thương; Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Bắc Giang; Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Bắc Giang; Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang; Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Giang; Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang.

1.17. Đã tổ chức thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp cho 260 người học, trong đó: trình độ trung cấp 72 học sinh, trình độ sơ cấp 188 học sinh.

1.18. Đã lập hệ thống sổ, biểu mẫu quản lý đào tạo sử dụng trong Trường và ghi chép đầy đủ theo quy định.

1.19. Đã ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng, chứng chỉ báo cáo Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Giang và Công an tỉnh Bắc Giang theo quy định; đã mở sổ theo dõi, quản lý in phôi bằng, chứng chỉ theo quy định.

1.20. Đã quy định chế độ làm việc của nhà giáo, xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng năm học và xây dựng kế hoạch tổ chức nhà giáo tham gia bồi dưỡng, thực hành chuyên môn tại đơn vị sử dụng lao động.

## **2. Những quy định pháp luật GDNN chưa được Trường thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

2.1. Chủ tịch Hội đồng trường chưa được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định Điều lệ trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH).

2.2. Thư viện chưa có các phần mềm để tra cứu tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH (sau đây gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP).

2.3. Ban hành phiếu đăng ký dự tuyển vào Trường chưa đúng mẫu quy định tại phụ lục số 02 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi tắt là Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH).

2.4. Chưa quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, định mức giờ giảng cho giáo viên dạy trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH).



#### IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

##### 1. Kiến nghị Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang

###### 1.1. Chỉ đạo khắc phục các sai phạm thiếu sót sau

1.1.1. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng trường tham dự khoá đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN để đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giáo dục nghề nghiệp và tại khoản 7 Điều 11 Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH.

1.1.2. Bổ sung các phần mềm tra cứu tài liệu cho thư viện của Trường theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 5 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

1.1.3. Ban hành phiếu đăng ký dự tuyển vào Trường đúng mẫu quy định tại phụ lục số 02 Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH.

1.1.4. Sửa đổi, bổ sung quy định chế độ làm việc của nhà giáo tại Trường đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH: quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, định mức giờ giảng cho giáo viên dạy trình độ trung cấp và trình độ sơ cấp.

**1.2. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.**

##### 2. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang

2.1. Chỉ đạo Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang khắc phục những sai phạm đã nêu tại mục 2 phần III Kết luận thanh tra này.

2.2. Kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra những sai phạm đã nêu trên.

##### 3. Các biện pháp xử lý

Không phát sinh.

#### V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần IV Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kèm hồ sơ, tài liệu chứng minh về Thanh tra Bộ LĐTBXH (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/5/2023./.

Nơi nhận:

- Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang (để t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Tấn Dũng (để b/c);
- Chánh Thanh tra (để b/c);
- UBND tỉnh Bắc Giang (chỉ đạo t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Hồng Diệp